

Bản án số: **83 /2023/DS-ST**

Ngày: 14/9/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như, thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **146/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023**, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **131/2023/QĐXX- ST ngày 17 tháng 8 năm 2023**, và Quyết định hoãn phiên tòa số **94/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Bông, xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà **NTL**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn C1**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2023 (bl 01), Bản tự khai ngày 01/08/2023 (bl 20) cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Giữa bà và bà NTL hai bên có việc chơi hụi với nhau. Hụi do bà NTL làm chủ, còn bà là hụi viên. Quá trình tham gia chơi hụi thì bà NTL còn thiếu lại bà tiền hụi là 32.000.000 đồng. Sau khi bà NTL vỡ hụi thì giữa bà và bà NTL hai bên có kết nợ lại và bà NTL có làm giấy tay xác nhận còn nợ tiền hụi bà số tiền

là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), giấy do bà NTL tự viết, tự ký tên xác nhận (b1 28).

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà NTL, ông C1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số nợ hui là 32.000.000 đồng (ba hai triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

* Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 01/8/2023 (b1 13,15) bị đơn bà NTL trình bày:

Bà thừa nhận bà có làm chủ hui, bà Huỳnh Thị C là hui viên, bà thừa nhận bà có nợ tiền hui bà C số tiền là 32.000.000 đồng (ba hai triệu đồng) như bà C khởi kiện.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà C thì bà đồng ý trả nợ hui cho bà Huỳnh Thị C.

Đối với ông Lê Văn C1 là chồng bà, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, bà đã làm chủ hui hơn 20 năm qua, thu nhập hàng tháng của bà vài chục triệu đồng, bà làm chủ hui, ông C1 có đi góp hui cho bà nhưng bà đã trả tiền công cho ông C1 là 150.000 đồng/ buổi. Tuy nhiên, ông C1 không biết gì về số tiền nợ hui của bà, bà có giao giấy tờ của Tòa án cho ông C1 nhưng ông nói không liên quan gì đến số nợ hui nên không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì hết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Văn C1.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “Tranh chấp hui” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện BD theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến tham gia tố tụng nên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án dân sự, nhận thấy:

Căn cứ giấy ghi tiền nợ được bà NTL thừa nhận còn nợ bà C số tiền hui 32 triệu đồng như yêu cầu khởi kiện của bà C. Như vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà NTL đồng ý trả nợ cho bà C.

Đối với ông C1 không đồng ý liên đới trả nợ cho bà C, tuy nhiên theo lời khai của bà C, bà NTL thì khi bà NTL làm hui, cho vay thì ông C1 đều biết, ông C1 có đi gom hui, nhận tiền hui từ các hui viên. Ông C1 và bà NTL là vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 1988. Đây là nợ chung của bà NTL và ông C1 trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình thì ông C1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà NTL trả nợ cho bà C là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà NTL có đăng ký thường trú và hiện còn đang sinh sống tại xã TL, huyện BD, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh BT.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị C khởi kiện bà NTL đòi lại số tiền **hui** còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà NTL có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bl 33), Ông Lê Văn C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C yêu cầu bà NTL phải trả số

tiền nợ hui còn thiếu là 32.000.000 đồng (ba hai triệu đồng) và không tính lãi suất.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều xác định giữa hai bên có giao dịch chơi hui với nhau, theo đó bà NTL thừa nhận có nợ tiền hui của bà Huỳnh Thị C số tiền hui là 32.000.000 đồng, thừa nhận có ký tên xác nhận vào giấy nợ do bà Huỳnh Thị C giao nộp cho Tòa án. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh nên công nhận sự thật bà NTL có nợ tiền hui của bà C số tiền 32.000.000 đồng là có thật.

[5] Do đó, bà Huỳnh Thị C khởi kiện đòi bà NTL phải trả số tiền hui 32.000.000 đồng (ba hai triệu đồng) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Bà Huỳnh Thị C chỉ yêu cầu trả vốn mà không yêu cầu bà NTL phải trả lãi suất. Xét thấy, đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn C1, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà NTL và ông Lê Văn C1 thì ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên ông, bà là vợ chồng hợp pháp, hiện tại vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà NTL làm chủ hui đã hơn 20 năm, vay tiền để lo kinh tế gia đình, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân nên ông Lê Văn C1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Huỳnh Thị C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bà NTL và ông Lê Văn C1 phải liên đới chịu án phí của số tiền 32.000.000 đồng, số tiền án phí được tính là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C đối với bà NTL và ông Lê Văn C1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

2. Buộc vợ chồng bà NTL và ông Lê Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền nợ hụi là 32.000.000 đồng (ba hai triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị C không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà NTL và ông Lê Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005048 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà NTL, ông Lê Văn C1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT
- (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

